

KẾT QUẢ KỲ THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT 4 NĂM 2026 TẠI HỌC VIỆN; THI NGÀY 30/5/2026

| TT | SBD | MSV | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Lớp/ĐVCT | Điểm TN | Điểm TH | KẾT QUẢ |
|----|-------------|------------|----------------------|-----|------------|---------------|---------|--|---------|---------|-----------|
| 1 | TH.4.26.001 | 2255360001 | LÊ THỊ LAN ANH | Nữ | 23/06/2004 | Hải Phòng | Kinh | Chính sách công K42 | 6.75 | 5.5 | Đạt |
| 2 | TH.4.26.002 | | LÊ HỒNG ANH | Nữ | 20/09/2003 | Thanh Hóa | Kinh | Cao Đẳng Công Thương Việt Nam | 7.0 | 5.0 | Đạt |
| 3 | TH.4.26.003 | | BÙI MINH ANH | Nữ | 17/03/2004 | Phú Thọ | Kinh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 7.75 | 10 | Đạt |
| 4 | TH.4.26.004 | 2351010002 | ĐỖ VÂN ANH | Nữ | 09/12/2005 | Hà Nội | Kinh | CTXH K43 | 5.0 | 6.0 | Đạt |
| 5 | TH.4.26.005 | 2252020053 | PHẠM QUỐC ANH | Nam | 16/06/2004 | Nghệ An | Kinh | Xây dựng đảng & CQNN K42 A2 | 4.25 | 5.5 | Không đạt |
| 6 | TH.4.26.006 | 2256160003 | LÊ NGỌC CHÂU ANH | Nữ | 18/02/2003 | Hải Phòng | Kinh | Lớp Truyền thông Marketing K42 A1 | 8.75 | 7.0 | Đạt |
| 7 | TH.4.26.007 | 2356150001 | ĐẶNG PHƯƠNG ANH | Nữ | 15/10/2005 | Hà Nội | Kinh | Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K43 | 5.75 | 6.5 | Đạt |
| 8 | TH.4.26.008 | | NGÔ THỊ HẢI ANH | Nữ | 26/05/2004 | Hà Nội | Kinh | Trường Đại học Thủ đô Hà Nội | 5.75 | 6.5 | Đạt |
| 9 | TH.4.26.009 | | NGÔ THỊ LAN ANH | Nữ | 08/07/2004 | Ninh Bình | Kinh | Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội | 5.75 | 6.0 | Đạt |
| 10 | TH.4.26.010 | 2356150009 | TRẦN NGỌC BẢO CHÂU | Nữ | 26/02/2005 | Ninh Bình | Kinh | Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K43 | 7.0 | 7.5 | Đạt |
| 11 | TH.4.26.011 | | BÊ LINH CHI | Nữ | 09/10/2003 | Lạng Sơn | Tày | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 6.25 | 6.0 | Đạt |
| 12 | TH.4.26.012 | | NGUYỄN ĐẶNG LINH CHI | Nữ | 12/6/2003 | Thanh Hóa | Kinh | Thí sinh tự do | 7.75 | 8.5 | Đạt |
| 13 | TH.4.26.013 | 2251020010 | ĐINH VĂN CHIẾN | Nam | 08/03/2004 | Ninh Bình | Kinh | Lớp kinh tế chính trị k42 | 3.75 | 7.5 | Không đạt |
| 14 | TH.4.26.014 | | QUÁCH THỊ CHÚC | Nữ | 12/11/2004 | Thanh Hoá | Mường | Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội | 6.5 | 7.0 | Đạt |
| 15 | TH.4.26.015 | 2351070010 | NGUYỄN PHƯƠNG DUNG | Nữ | 12/09/2005 | Phú Thọ | Kinh | Lớp Truyền thông quốc tế K43 | 8.0 | 6.5 | Đạt |
| 16 | TH.4.26.016 | 2250100014 | NGUYỄN HÀ DUY | Nam | 28/08/2004 | Liên Bang Nga | Kinh | Lớp Lịch sử Đảng K42 | 6.0 | 6.5 | Đạt |
| 17 | TH.4.26.017 | | PHẠM QUANG DUY | Nam | 18/09/1995 | Thái Nguyên | Kinh | Lớp K27.2 QLBCCTT | 5.0 | 8.5 | Đạt |
| 18 | TH.4.26.018 | 2351050074 | CAO TÙNG DƯƠNG | Nam | 20/07/2005 | Thanh Hoá | Kinh | Lớp Truyền Thông đại chúng K44-A2 | 8.25 | 6.5 | Đạt |
| 19 | TH.4.26.020 | | NGUYỄN THỊ HẰNG | Nữ | 07/09/2004 | Phú Thọ | Mường | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 7.25 | 6.0 | Đạt |
| 20 | TH.4.26.021 | | LƯƠNG THANH HẬU | Nữ | 24/10/2004 | Thanh Hoá | Mường | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 6.0 | 6.0 | Đạt |
| 21 | TH.4.26.022 | 2056050022 | NGUYỄN THỊ THU HOÀI | Nữ | 06/09/2002 | Hà Nội | Kinh | Báo Truyền hình K40 | 7.75 | 7.5 | Đạt |

| TT | SBD | MSV | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Lớp/ĐVCT | Điểm TN | Điểm TH | KẾT QUẢ |
|----|-------------|------------|----------------------|-----|------------|-------------|---------|--|---------|---------|-----------|
| 22 | TH.4.26.023 | | LÊ ANH HỒNG | Nữ | 02/03/2003 | Ninh Bình | Kinh | Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến | 5.25 | 5.0 | Đạt |
| 23 | TH.4.26.024 | | PHẠM THỊ HUÊ | Nữ | 15/06/2001 | Hung Yên | Kinh | Trường mầm non Hoa Hướng Dương, Tp Hà Nội | 6.0 | 7.0 | Đạt |
| 24 | TH.4.26.025 | | PHẠM VIỆT HÙNG | Nam | 18/06/2000 | Ninh Bình | Kinh | Học viện Kỹ thuật Quân sự | 8.25 | 7.5 | Đạt |
| 25 | TH.4.26.026 | 2255350025 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | Nữ | 09/11/2004 | Ninh Bình | Kinh | Lớp Văn hóa phát triển k42 | 5.75 | 7.0 | Đạt |
| 26 | TH.4.26.027 | 2451010015 | NGUYỄN KHÁNH HUYỀN | Nữ | 27/09/2006 | Thanh Hoá | Kinh | Lớp Công tác xã hội K44 | 6.75 | 9.5 | Đạt |
| 27 | TH.4.26.028 | | TRẦN THỊ THANH HƯƠNG | Nữ | 10/02/2004 | Hà Nội | Kinh | Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội | 6.75 | 7.0 | Đạt |
| 28 | TH.4.26.029 | 2351100022 | NGUYỄN MAI HƯƠNG | Nữ | 06/12/2005 | Thái Nguyên | Kinh | Lớp Quảng Cáo K43 | 8.25 | 7.5 | Đạt |
| 29 | TH.4.26.030 | 2355370015 | NGUYỄN THU HƯỜNG | Nữ | 06/06/2005 | Hải Phòng | Kinh | Lớp Quản lý hành chính nhà nước K43 | 4.25 | 5.5 | Không đạt |
| 30 | TH.4.26.031 | | MAI VĂN KIÊN | Nam | 03/9/1999 | Hung Yên | Kinh | Học viện Hành chính và Quản trị công | 4.75 | 1.5 | Không đạt |
| 31 | TH.4.26.032 | 2351020022 | PHAN THỊ HOÀNG LAN | Nữ | 24/11/2005 | Bắc Ninh | Kinh | Lớp Kinh tế Chính trị K43 | 6.75 | 8.0 | Đạt |
| 32 | TH.4.26.033 | 2251050082 | DƯƠNG NHẬT LỆ | Nữ | 09/06/2004 | Bắc Ninh | Kinh | Lớp Truyền thông đại chúng k42 A2 | 6.25 | 7.5 | Đạt |
| 33 | TH.4.26.034 | 2451040134 | ĐÀO THỊ HẢI LINH | Nữ | 29/01/2006 | Hà Nội | Kinh | Lớp TTĐPT A3 K44 | 5.25 | 9.0 | Đạt |
| 34 | TH.4.26.035 | 2256150028 | LÊ THUYỀN LINH | Nữ | 01/06/2004 | Hà Nội | Kinh | Quan hệ công chúng K42 | 8.0 | 6.5 | Đạt |
| 35 | TH.4.26.036 | | LÊ NGÔ KHÁNH LINH | Nữ | 08/04/2004 | Thanh Hoá | Mường | Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội | 6.0 | 6.0 | Đạt |
| 36 | TH.4.26.037 | | TRẦN THỊ THUYỀN LINH | Nữ | 18/10/2004 | Hà Tĩnh | Kinh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 7.75 | 7.0 | Đạt |
| 37 | TH.4.26.038 | | NÔNG HOÀNG DIỆU LINH | Nữ | 30/04/2004 | Tuyên Quang | Tày | A4K72 khoa Ngữ Văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 6.75 | 6.0 | Đạt |
| 38 | TH.4.26.039 | | PHẠM KHÁNH LINH | Nữ | 15/08/2004 | Hà Nội | Kinh | Lớp Báo Phát Thanh K42 | 6.0 | 6.0 | Đạt |
| 39 | TH.4.26.040 | 2355380038 | ĐÀM THANH LOAN | Nữ | 15/10/2005 | Bắc Ninh | Kinh | Lớp Truyền thông Chính sách K43 | 5.0 | 9.0 | Đạt |
| 40 | TH.4.26.041 | 2250080028 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY | Nữ | 02/09/2004 | Hà Nội | Kinh | Lớp Chủ nghĩa xã hội khoa học K42 | 5.75 | 5.5 | Đạt |
| 41 | TH.4.26.042 | 2055270082 | NGUYỄN CAO CẨM LY | Nữ | 13/06/2002 | Hồ Chí Minh | Kinh | Lớp Quản lý Kinh tế K40A2 | 6.75 | 8.5 | Đạt |
| 42 | TH.4.26.043 | 2258020030 | NGUYỄN LÂM NGỌC MINH | Nữ | 07/03/2004 | Hà Nội | Kinh | Lớp Xuất bản điện tử K42 | 6.25 | 6.0 | Đạt |
| 43 | TH.4.26.044 | 2556140032 | KHÚC THIÊN NGÂN | Nữ | 19/10/2007 | Hải Phòng | Kinh | Lớp Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu K45 | 6.75 | 7.0 | Đạt |
| 44 | TH.4.26.045 | | HOÀNG KHÁNH NGÂN | Nữ | 27/07/2004 | Nghệ An | Kinh | HNUE | 7.75 | 5.5 | Đạt |
| 45 | TH.4.26.046 | | NGUYỄN BẠCH NGỌC | Nữ | 20/03/2001 | Hà Nội | Kinh | Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn 2 | 7.25 | 6.0 | Đạt |

| TT | SBD | MSV | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Lớp/ĐVCT | Điểm TN | Điểm TH | KẾT QUẢ |
|----|-------------|------------|-----------------------------|-----|------------|-----------|---------|--|---------|---------|---------|
| 46 | TH.4.26.047 | 2552010042 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC | Nữ | 31/07/2007 | Hưng Yên | Kinh | Ngôn ngữ Anh K45 | 5.25 | 6.5 | Đạt |
| 47 | TH.4.26.048 | 2258010032 | HOÀNG NGUYỄN BẢO NGỌC | Nữ | 20/04/2004 | Hà Tĩnh | Kinh | Lớp Biên tập Xuất bản K42 | 6.0 | 5.5 | Đạt |
| 48 | TH.4.26.049 | 2556140036 | TRẦN MINH NHẬT | Nữ | 29/10/2007 | Hà Nội | Kinh | Lớp QHQT & TTTC K45 | 5.75 | 7.5 | Đạt |
| 49 | TH.4.26.050 | 2556140039 | NGUYỄN TRẦN Ý NHI | Nữ | 27/05/2007 | Hà Nội | Kinh | Quan hệ quốc tế truyền thông toàn cầu K45 | 7.25 | 9.0 | Đạt |
| 50 | TH.4.26.052 | | NGUYỄN DUNG NHI | Nữ | 09/05/2004 | Ninh Bình | Kinh | trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 7.0 | 7.0 | Đạt |
| 51 | TH.4.26.053 | 2151040039 | TRỊNH THỊ LAN NHI | Nữ | 30/08/2003 | Hưng Yên | Kinh | Lớp Truyền thông đa phương tiện K41 | 9.0 | 6.5 | Đạt |
| 52 | TH.4.26.054 | 2351100036 | NGUYỄN ĐÀO PHƯƠNG NHUNG | Nữ | 03/03/2005 | Hà Nội | Kinh | Lớp Quảng cáo K43 | 8.0 | 7.0 | Đạt |
| 53 | TH.4.26.056 | 2355370036 | NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG | Nữ | 10/12/2005 | Ninh Bình | Kinh | Quản lý hành chính nhà nước K43 | 6.25 | 5.0 | Đạt |
| 54 | TH.4.26.057 | 2358010041 | LÝ HÀ PHƯƠNG | Nữ | 12/12/2005 | Lạng Sơn | Nùng | Lớp Biên tập Xuất bản k43 | 7.0 | 9.0 | Đạt |
| 55 | TH.4.26.058 | 2256090037 | NGUYỄN THỤY PHƯƠNG | Nữ | 07/10/2004 | Hà Nội | Kinh | Lớp Báo mạng điện tử CLCK42 | 6.0 | 5.5 | Đạt |
| 56 | TH.4.26.059 | | NGÔ ĐIỂM QUỲNH | Nữ | 22/04/2004 | Bắc Ninh | Kinh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 5.75 | 7.5 | Đạt |
| 57 | TH.4.26.060 | 2355320037 | LÊ HOÀNG NGỌC TÀI | Nam | 08/01/2005 | Gia Lai | Kinh | Quản lý xã hội K43 | 6.25 | 6.5 | Đạt |
| 58 | TH.4.26.061 | 2355350049 | NGUYỄN THÚY TIÊN | Nữ | 11/10/2005 | Hà Nội | Kinh | Lớp Văn Hóa Phát Triển K43 | 6.75 | 7.5 | Đạt |
| 59 | TH.4.26.062 | 2151070042 | HOÀNG CẨM TÚ | Nữ | 23/09/2003 | Lào Cai | Kinh | Lớp Truyền thông Quốc tế K41 | 7.25 | 8.5 | Đạt |
| 60 | TH.4.26.064 | | PHẠM THỊ NGỌC THÀNH | Nữ | 22/03/2002 | Hà Tĩnh | Kinh | Đại học Sư Phạm Hà Nội | 5.75 | 5.0 | Đạt |
| 61 | TH.4.26.065 | 2355380054 | PHẠM PHƯƠNG THẢO | Nữ | 23/06/2005 | Hải Phòng | Kinh | Lớp Truyền thông chính sách K43 | 5.75 | 6.0 | Đạt |
| 62 | TH.4.26.066 | | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO | Nữ | 27/08/2004 | Bắc Ninh | Kinh | Đại học Sư phạm Hà Nội | 5.75 | 6.0 | Đạt |
| 63 | TH.4.26.067 | 2052010049 | PHẠM THANH THẢO | Nữ | 15/05/2002 | Hà Nội | Kinh | Lớp Biên Dịch Ngôn Ngữ Anh K40 | 8.0 | 9.5 | Đạt |
| 64 | TH.4.26.068 | 2351020040 | VŨ THỊ THẢO | Nữ | 08/11/2005 | Ninh Bình | Kinh | Kinh tế chính trị K43 | 6.75 | 7.5 | Đạt |
| 65 | TH.4.26.069 | 2256100043 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | Nữ | 28/01/2004 | Hà Nội | Kinh | Lớp Thông tin đối ngoại K42 | 5.75 | 5.0 | Đạt |
| 66 | TH.4.26.070 | | HOÀNG THỊ THU | Nữ | 10/06/1987 | Hải Phòng | Kinh | P. Trần Nhân Tông, tp Hải Phòng | 7.0 | 5.5 | Đạt |
| 67 | TH.4.26.071 | | PHẠM THỊ PHƯƠNG PHƯƠNG THUÝ | Nữ | 24/05/1999 | Ninh Bình | Kinh | Công ty Tư vấn Du học ETC GLOBAL | 6.0 | 9.0 | Đạt |
| 68 | TH.4.26.072 | 2351020044 | CHU THỊ THÚY | Nữ | 18/12/2005 | Hà Nội | Kinh | Lớp Kinh tế chính trị K43 | 6.0 | 7.0 | Đạt |
| 69 | TH.4.26.073 | | NGUYỄN THANH TRÀ | Nữ | 11/10/1999 | Sơn La | Kinh | Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay - Chi nhánh Nội Bài | 7.75 | 6.5 | Đạt |

| TT | SBD | MSV | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Nơi sinh | Dân tộc | Lớp/ĐVCT | Điểm TN | Điểm TH | KẾT QUẢ |
|----|-------------|------------|---------------------|-----|------------|-----------|---------|-------------------------------|---------|---------|-----------|
| 70 | TH.4.26.074 | | PHẠM HUYỀN TRANG | Nữ | 05/10/2004 | Hưng Yên | Kinh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 6.25 | 7.0 | Đạt |
| 71 | TH.4.26.075 | 2450100059 | NGUYỄN THU TRANG | Nữ | 11/10/2006 | Ninh Bình | Kinh | Lớp Lịch sử Đảng K44 | 6.75 | 8.5 | Đạt |
| 72 | TH.4.26.076 | | NGUYỄN THU TRANG | Nữ | 30/03/2004 | Thanh Hoá | Kinh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 6.0 | 7.0 | Đạt |
| 73 | TH.4.26.077 | | NGUYỄN QUỲNH TRANG | Nữ | 09/01/2002 | Thanh Hóa | Kinh | Bệnh viện Thận Hà Nội | 5.0 | 5.5 | Đạt |
| 74 | TH.4.26.078 | 2252010047 | TRẦN KHÁNH VI | Nữ | 02/01/2004 | Ninh Bình | Kinh | Ngôn Ngữ Anh K42 | 7.25 | 6.5 | Đạt |
| 75 | TH.4.26.080 | 2255360046 | LÊ THỊ VUI | Nữ | 07/08/2004 | Thanh Hóa | Kinh | Lớp Chính Sách Công K42 | 6.75 | 6.5 | Đạt |
| 76 | TH.4.26.081 | 2351020048 | ĐẶNG THỊ THANH XUÂN | Nữ | 08/01/2005 | Phú Thọ | Kinh | Kinh tế chính trị K43 | 4.75 | 6.5 | Không đạt |
| 77 | TH.4.26.083 | | NGUYỄN HOÀNG QUÂN | Nữ | 09.07.2004 | Hà Nội | Kinh | đại học Mô Địa Chất | 7.75 | 5.0 | Đạt |
| 78 | TH.4.26.084 | | NGUYỄN HẢI VY | Nam | 04.02.2002 | Hà Nội | Kinh | Trường Đại học Luật, ĐHQGHN | 6.75 | 5.5 | Đạt |
| 79 | TH.4.26.085 | | NGUYỄN HƯƠNG TRÀ | Nam | 21.12.2006 | Hà Nội | Kinh | Lớp Báo mạng điện tử K44-VHVL | 6.25 | 5.0 | Đạt |

Tổng số thí sinh dự thi: 79

Tổng số thí sinh đạt: 74

Tổng số thí sinh không đạt: 5

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Trường Giang